

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20/3/2018

“V/v Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Liêm

2. Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017. Về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị C** - Sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Láng Tượng, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn T** - Sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Nghĩa Hiệp, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2017 và tại phiên tòa chị Phạm Thị C (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn ngày 29 tháng 02 năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Chị C cho rằng vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T có những việc làm xấu, toi có động viên nhiều lần nhưng anh T không sửa chữa mà còn đánh đập tôi từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị C yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị C trình bày vợ chồng có 03 con chung tên là Võ Thị Nh, sinh ngày 04/11/2002; Võ Thị Hồng G, sinh ngày 04/01/2011 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 19/02/2013, hiện Võ Thị Nh và Võ Thị Hồng G đang sống với anh T, còn Phạm Ngọc S đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng hết 03 cháu, chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 03 con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Chị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Chị C trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Võ Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh T, biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 08/8/2017 nhưng anh T không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh T để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị C, Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T được quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn ngày 29 tháng 02 năm 2002 không có đăng ký kết hôn. Chị C và anh T kết hôn năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị C và ông anh T không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị C và anh T là vợ chồng.

[2] Về con: Chị C trình bày vợ chồng có 03 con chung tên là Võ Thị Nh, sinh ngày 04/11/2002; Võ Thị Hồng G, sinh ngày 04/01/2011 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 19/02/2013. Xét thấy, chị C yêu cầu được nuôi hết 03 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con thành niên. Anh T không có ý kiến gì về yêu cầu của chị C. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Võ Thị Hồng G, Phạm Ngọc S còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ đảm bảo về tinh thần và tâm lý. Do đó, yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị C là phù hợp. Đối với Võ Thị Nh nguyện vọng của cháu muốn sống với chị C được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2018 nên Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục giao cháu Võ

Thị Nh, sinh ngày 04/11/2002; Võ Thị Hồng G, sinh ngày 04/01/2011 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 19/02/2013 cho chị Chăm chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 650.000 đồng/tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên.

[3] Về tài sản chung: Chị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, anh T không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn chị C và anh T có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về nợ trả: Chị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, anh T không ý kiến gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn chị C và anh T có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị C và anh Võ Văn T là vợ chồng.

- Về con: Giao con tên là Võ Thị Nh, sinh ngày 04/11/2002; Võ Thị Hồng G, sinh ngày 04/01/2011 và Phạm Ngọc S, sinh ngày 19/02/2013 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 650.000 đồng/tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị C có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004023 ngày 08/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đường sá;
- UBND xã Tân Hưng Đ;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính